

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 165/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29-06-2023

V/v: “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn
giữa chị H và anh D”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2023/TLST-HNGĐ ngày 6 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Xóm 1, xã A, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm 10, xã C, huyện H, tỉnh Nam Định.

(Chị H, anh D đều vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24-5-2023, bản tự khai ngày 07-6-2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức D đăng ký kết hôn ngày 03-9-2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh D ở xóm 10, xã C, huyện H, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng bốn năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên thường xảy ra xung đột, cãi chửi nhau. Chị H, anh D đã ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình

cảm, trách nhiệm từ năm 2017 đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị H, anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 08-7-2014. Hiện nay, con chung đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị H và anh D không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14-6-2023, bị đơn anh Nguyễn Đức D có lời khai phù hợp với lời khai của chị H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh D nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh D công nhận vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 08-7-2014. Trong thời gian ly thân đến trước khi chị H làm đơn xin ly hôn, cháu L do chị H nuôi dưỡng. Sau khi chị H nộp đơn tại Tòa án, anh D đã đón cháu L về ở với anh D vì chị H thường xuyên đi làm ăn xa. Nay cháu L có nguyện vọng ở với anh D nên anh D nhận nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh D và chị H không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức D đều xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh D theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức D là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 03-9-2017.

Trong suốt quá trình chung sống, do tính tình, quan điểm sống không hợp nên chị H và anh D thường xuyên mâu thuẫn. Chị H, anh D đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị H và anh D đã được đôi bên gia đình hòa giải nhưng không thể đoàn tụ. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị H, anh D đều nhất trí thuận tình ly hôn.

Trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của chị H có xác nhận của chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn; căn cứ lời khai của anh D và chị H mâu thuẫn vợ chồng, về nguyện vọng xin được ly hôn, Hội đồng xét xử xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng

không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, anh D cho chị H được ly hôn với anh D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 08-7-2014, hiện đang ở với chị H. Mặc dù chị H và anh D đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Tuy nhiên, vì hiện chị H đi làm ăn xa, thường xuyên vắng nhà phải gửi con cho bố mẹ đẻ nhờ chăm sóc; anh D hiện làm ăn, sinh sống tại địa phương. Cháu L hiện đang ở cùng anh D, nguyện vọng xin được ở với anh D. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu L cho anh D nuôi dưỡng vừa để đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, vừa phù hợp với nguyện vọng của con chung, giúp cháu ổn định tâm lý, giữ vững tinh thần sau khi cha, mẹ ly hôn và phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Do anh D không yêu cầu nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh D.

[4] Về tài sản: Chị H, anh D không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 08-07-2014 cho anh Nguyễn Đức D tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh D. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0002656 ngày 02-6-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H; chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hòe